

BỘ XÂY DỰNG**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2009/TT-BXD

*Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2009***THÔNG TƯ****Quy định chi tiết về điều kiện năng lực trong hoạt động xây dựng**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình,

Bộ Xây dựng quy định chi tiết về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng như sau:

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Thông tư này quy định chi tiết về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân quy định tại Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây viết tắt là Nghị định 12/CP); Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về Quy hoạch xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 08/CP); Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng; (sau đây viết tắt là Nghị định 209/CP); Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Nghị định 49/CP) .

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

Điều 2. Điều kiện năng lực của tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng

1. Các tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng phải có đủ điều kiện năng lực phù hợp với loại dự án; loại, cấp công trình và công việc do tổ chức đảm nhận thực hiện.

2. Năng lực của tổ chức khi trực tiếp tham gia hoạt động xây dựng được phân thành hạng 1 và hạng 2 dựa trên cơ sở các tiêu chí sau:

a) Năng lực hành nghề của các cá nhân trong tổ chức;

b) Kinh nghiệm hoạt động xây dựng thể hiện qua năng lực quản lý và kết quả các công việc đã thực hiện của tổ chức;

c) Khả năng tài chính, lực lượng lao động, thiết bị thi công thực có của tổ chức hoặc do tổ chức thuê để thực hiện theo yêu cầu của công việc hoặc gói thầu.

Việc phân hạng tổ chức khi tham gia hoạt động xây dựng là để tổ chức đó tự xác định hạng năng lực phù hợp với yêu cầu của gói thầu hoặc loại công việc khi tham gia thực hiện; là căn cứ để các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ các quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các chủ thể có liên quan mà không phải là căn cứ để xếp hạng doanh nghiệp hoạt động xây dựng.

3. Chủ đầu tư căn cứ vào quy mô, tính chất gói thầu hoặc loại công việc cụ thể để lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực phù hợp với gói thầu hoặc công việc đó.

Điều 3. Điều kiện năng lực của cá nhân khi hành nghề hoạt động xây dựng

1. Cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với công việc đảm nhận do các cơ sở đào tạo hợp pháp của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp.

2. Cá nhân khi đảm nhận các chức danh quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định 12/CP phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Chương IV của Nghị định 12/CP. Riêng cá nhân đảm nhận các chức danh chủ nhiệm thiết kế đồ án quy hoạch, chủ trì thiết kế chuyên ngành đồ án quy hoạch xây dựng phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 48, 49 của Nghị định 08/CP.

Các chức danh chủ nhiệm, chủ trì thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì thiết kế xây dựng; chủ nhiệm khảo sát xây dựng do người đứng đầu tổ chức tư vấn bổ nhiệm căn cứ vào các điều kiện và tiêu chuẩn được quy định tại Nghị định 12/CP, Nghị định 08/CP, năng lực quản lý của cá nhân đó và quy mô, tính chất của công việc.

3. Những cá nhân tham gia quản lý dự án phải có chứng nhận nghiệp vụ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định, trừ những người làm công tác hành chính và công tác phục vụ.

Chương II

ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 4. Các lĩnh vực yêu cầu về điều kiện năng lực

1. Các lĩnh vực yêu cầu về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định 12/CP.

2. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia thực hiện các lĩnh vực: kiểm định chất lượng công trình xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực công trình xây dựng và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; thi công các công việc, hạng mục công trình hoặc công trình có yêu cầu đặc biệt phải đáp ứng các điều kiện năng lực theo quy định tại Nghị định 12/CP và quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 của Thông tư này.

3. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động xây dựng các lĩnh vực dưới đây phải đáp ứng điều kiện năng lực theo các quy định sau:

a) Thiết kế đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định tại Nghị định 08/CP.

b) Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thiết kế xây dựng công trình; khảo sát xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình theo quy định tại Nghị định 12/CP.

c) Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo quy định tại Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

d) Chứng nhận điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực công trình xây dựng theo quy định tại Thông tư số 16/2008/TT-BXD ngày 11/9/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn kiểm tra, chứng nhận điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.

Điều 5. Điều kiện năng lực của tổ chức khi thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng

1. Năng lực của tổ chức khi thực hiện kiểm định chất lượng công trình xây dựng được quy định như sau:

a) Hình thức:

- Capital ít nhất 10 tỷ đồng - kể từ ngày lập hồ sơ đăng ký và phải có đủ các chứng chỉ kiểm định chất lượng công trình xây dựng, trong đó phải có chứng chỉ kiểm tra, chứng nhận phù hợp các điều kiện năng lực - chỉ thực hiện 1 lần phù hợp với công việc kiểm định;

- Capital phải nghiệm thu chuyên ngành - các chuyên gia phải có thêm quyền chứng nhận và các thiết bị phù hợp với tổng loại công việc kiểm định chất lượng công trình xây dựng;

- S. thực hiện kiểm tra chất lượng công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp đặc biệt hoặc cấp I, hoặc 2 công trình cấp II cùng loại.

b) Hình 2:

- Cả ít nhất 5 người kỹ sư - cả chuyên môn phi tập thể ví dụ của công việc - ít nhất kiểm tra chất lượng công trình xây dựng, trong đó không người chỉ thực hiện các công việc của nhà thầu điều kiện không tính - chỉ thực hiện 2 phi tập thể ví dụ công việc giám sát;

- Cả phải thực hiện công trình xây dựng chuyên ngành - ít nhất 1 quan trọng nhất của thêm quyền công việc của nhà thầu thực hiện phi tập thể ví dụ tổng loại công trình kiểm tra chất lượng công trình xây dựng;

- S. thực hiện kiểm tra chất lượng công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp II hoặc 2 công trình cấp III hoặc 5 công trình cấp IV cùng loại.

2. Phạm vi hoạt động:

a) Hình 1: S - ít nhất thực hiện kiểm tra chất lượng công trình xây dựng để ví dụ công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và cấp IV cùng loại;

b) Hình 2: S - ít nhất thực hiện kiểm tra chất lượng công trình xây dựng để ví dụ công trình cấp II, cấp III và cấp IV cùng loại;

c) Sẽ ví dụ các công trình kiểm tra chất lượng công trình xây dựng của nhà thầu điều kiện có xếp hạng thực - ít nhất kiểm tra chất lượng công trình xây dựng để ví dụ công trình cấp IV.

Điều 6. Điều kiện năng lực của tổ chức khi thực hiện chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng

1. Không tính các công trình thực hiện công nhận sự phi tập thể về chất lượng công trình xây dựng - ít nhất phải thực hiện 2 hạng như sau:

a) Hình 1:

- Cả hồ sơ quản lý và không tính hoạt động thực hiện công việc giám sát quy định công nhận hình để ví dụ các công trình công nhận sự phi tập thể về chất lượng công trình xây dựng.

- Cả ít nhất 10 người kỹ sư - cả chuyên môn phi tập thể ví dụ công việc giám sát công nhận, cả kinh nghiệm ít nhất 5 năm thực hiện công trình xây dựng phi tập thể ví dụ nội dung công nhận.

- S. thực hiện công nhận sự phi tập thể về chất lượng công trình xây dựng ít nhất 1 công trình cấp đặc biệt hoặc cấp I hoặc 2 công trình cấp II cùng loại.

b) Hình 2:

- Cả hồ sơ quản lý và không tính hoạt động thực hiện công việc giám sát quy định công nhận hình để ví dụ các công trình công nhận sự phi tập thể về chất lượng công trình xây dựng.

- Cã ýt nhÛt 5 ng-êi lụ kù s- cã chuy^an m«n phí hì p ví i c«ng viÖc ®¶m nhÛn, cã kinh nghiÖm ýt nhÛt 3 nì m thiÖt kÕ, thi c«ng hoÆc gi_s m s_t c«ng viÖc phí hì p ví i néi dung chøng nhÛn.

- S- thùc hiÖn chøng nhÛn sù phí hì p vÒ chÛt l-î ng c«ng trñnh x^oy dùng ýt nhÛt 1 c«ng trñnh cÛp II hoÆc 2 c«ng trñnh cÛp III hoÆc 5 c«ng trñnh cÛp IV cì ng loⁱi.

2. Ph¹m vi ho¹t ®éng:

a) H¹ng 1: S-î c thùc hiÖn chøng nhÛn sù phí hì p vÒ chÛt l-î ng c«ng trñnh x^oy dùng ®èi ví i c«ng trñnh cÛp ®Æc biÖt, cÛp I, cÛp II, cÛp III vµ cÛp IV cì ng loⁱi;

b) H¹ng 2: S-î c thùc hiÖn chøng nhÛn sù phí hì p vÒ chÛt l-î ng c«ng trñnh x^oy dùng ®èi ví i c«ng trñnh cÛp II, cÛp III vµ cÛp IV cì ng loⁱi;

c) Sèi ví i tæ chøc ch-a ®ñ ®iÖu kiÖn ®ó xÕp h¹ng th× ®-î c thùc hiÖn chøng nhÛn sù phí hì p vÒ chÛt l-î ng c«ng trñnh x^oy dùng ®èi ví i c«ng trñnh cÛp IV cì ng loⁱi.

Điều 7. Công việc, hạng mục công trình hoặc công trình có yêu cầu đặc biệt

C«ng viÖc, h¹ng môc c«ng trñnh hoÆc c«ng trñnh x^oy dùng cã y^au cÇu ®Æc biÖt quy ®ñnh trong Th«ng t- nựy lụ: c«ng viÖc, h¹ng môc c«ng trñnh hoÆc c«ng trñnh x^oy dùng cã kü thuÛt phøc t¹p dõ g^oy sù cè mÛt an toµn trong thi c«ng, ®Bi hái viÖc thi c«ng ph¶i do tæ chøc cã ®ñ ®iÖu kiÖn nì ng lúc thùc hiÖn nh»m ®¶m b¶o chÛt l-î ng; an toµn cho ng-êi, cho c«ng trñnh vµ c_sc c«ng trñnh l^on cÛn.

Nh÷ng c«ng viÖc, h¹ng môc c«ng trñnh, c«ng trñnh x^oy dùng cã y^au cÇu ®Æc biÖt bao gãm:

1. C_sc c«ng viÖc:

a) Xõ lý nõn mãng b»ng cãc barret vµ cãc khoan nhãi cho c_sc loⁱi c«ng trñnh x^oy dùng;

b) Ph_s dì c«ng trñnh cã chiÖu cao tÕ 10 mĐt trë l^an;

c) L½p ®Æt thiÖt bÞ si^au tr-êng, si^au trãng.

2. C_sc h¹ng môc c«ng trñnh:

a) TÇng hÇm cñ c_sc c«ng trñnh: nhụ cao tÇng, b- i ®Ç xe ngÇm, c_sc loⁱi c«ng trñnh kh_sc;

b) SÛp cã chiÖu cao tr^an 25 mĐt: bao gãm ®Ûp b^a t«ng, ®Ûp ®Ût, ®_s cñ c«ng trñnh thuû lĩ i, thuû ®iÖn;

c) Bãn chøa, bõ chøa, ®-êng èng đén xì ng, dÇu, khý.

3. C_sc c«ng trñnh:

a) C«ng trñnh nhụ cao tÕ 20 tÇng trë l^an hoÆc c«ng trñnh cã khÈu ®é tÕ 36 mĐt trë l^an;

b) C«ng trñnh d¹ng th_sp cã chiÖu cao tÕ 50 mĐt trë l^an;

c) C«ng tr×nh cÇu cã chiÒu dµi nhòp chÝnh tÕ 100 mĐt trª l^an, cÇu vBm cã chiÒu cao tÕ 50 mĐt trª l^an, cÇu cã trO cao tÕ 30 mĐt trª l^an;

d) C«ng tr×nh ngÇm: nh- hÇm cña c₂c loⁱi c«ng tr×nh khai th₂c má, thuû ®iÖn, giao th«ng vµ c₂c loⁱi c«ng tr×nh kh₂c;

®) C«ng tr×nh trªn biÖn: nh- c₂c c«ng tr×nh ®^a ch½n sãng biÖn, c«ng tr×nh giµn khoan trªn biÖn, ®-êng èng dÉn dÇu, khÝ ngoµi biÖn vµ c₂c loⁱi c«ng tr×nh kh₂c ngoµi biÖn.

Điều 8. Điều kiện năng lực của tổ chức khi thực hiện các công việc, thi công hạng mục công trình, công trình xây dựng có yêu cầu đặc biệt

Tæ chøc, c₂ nh©n khi thi c«ng c«ng viÖc, h¹ng mÛc c«ng tr×nh hoÆc c«ng tr×nh x©y dµng cã y^au cÇu ®Æc biÖt n^au tⁱi SiÖu 7 cña Th«ng t- nÿy ph¶i ®₂p øng c₂c ®iÖu kiÖn n^{ing} lúc theo quy ®Þnh tⁱi NghÞ ®Þnh 12/CP vµ c₂c ®iÖu kiÖn n^{ing} lúc sau ®©y:

1. ChØ huy tr-êng c«ng tr-êng hoÆc ng-êi phõ tr₂ch kü thuËt cña tæ chøc nhËn thÇu ph¶i cã tr×nh ®é ®ⁱi hãc thuéc chuyªn ngµnh ph¶i hÿp, cã thêi gian liªn tÛc tham gia thi c«ng x©y dµng tòi thiÓu 7 n^{im} vµ ®^o. tham gia thi c«ng Ýt nhÊt mét c«ng viÖc, h¹ng mÛc c«ng tr×nh hoÆc c«ng tr×nh x©y dµng cã y^au cÇu ®Æc biÖt cì ng loⁱi cã quy m« t-^{ng} tù hoÆc quy m« è cËp thÊp h-n liÖn kÒ.

2. Nh-ng c₂n bé kü thuËt cña tæ chøc nhËn thÇu lµm viÖc tⁱi c«ng tr×nh ph¶i cã tr×nh ®é ®ⁱi hãc hoÆc cao ®¼ng thuéc chuyªn ngµnh ph¶i hÿp, cã thêi gian liªn tÛc tham gia thi c«ng x©y dµng tòi thiÓu 2 n^{im} ®èi ví i ng-êi cã tr×nh ®é ®ⁱi hãc, 4 n^{im} ®èi ví i ng-êi cã tr×nh ®é cao ®¼ng.

3. C₂c c«ng nh©n kü thuËt trùc tiÕp thi c«ng c«ng viÖc, h¹ng mÛc c«ng tr×nh hoÆc c«ng tr×nh x©y dµng cã y^au cÇu ®Æc biÖt ph¶i cã chøng chØ ®µo t^o nghò ph¶i hÿp. Riªng ®èi ví i c«ng nh©n vËn hµnh, ®iÖu khiÖn m₂y mãc, thiÕt bÞ thi c«ng chÝnh cã y^au cÇu nghiªm ngÆt vÒ an toµn th× ph¶i cã thêi gian kinh nghiÖm Ýt nhÊt 1 n^{im}.

4. M₂y mãc, thiÕt bÞ chñ yÕu ®Ó thi c«ng c«ng viÖc, h¹ng mÛc c«ng tr×nh hoÆc c«ng tr×nh x©y dµng cã y^au cÇu ®Æc biÖt ph¶i ®-îc kiÓm ®Þnh theo quy ®Þnh, ®₂p øng y^au cÇu kü thuËt cña c«ng viÖc vµ an toµn vËn hµnh.

5. Nhÿ thÇu ®^o. tham gia thi c«ng Ýt nhÊt mét c«ng viÖc, h¹ng mÛc c«ng tr×nh hoÆc c«ng tr×nh x©y dµng cã y^au cÇu ®Æc biÖt cì ng loⁱi cã cËp thÊp h-n liÖn kÒ.

6. Tuú theo khèi l-îng c«ng viÖc, quy m« c«ng tr×nh, tæ chøc nhËn thÇu thùc hiÖn c«ng viÖc, h¹ng mÛc c«ng tr×nh, c«ng tr×nh x©y dµng cã y^au cÇu ®Æc biÖt ph¶i cã ®ñ lúc l-îng c₂n bé kü thuËt, c«ng nh©n kü thuËt vµ m₂y mãc, thiÕt bÞ ®¶m b¶o ®iÖu kiÖn n^{ing} lúc ph¶i hÿp ví i tång c«ng viÖc, h¹ng mÛc c«ng tr×nh, c«ng tr×nh x©y dµng theo quy ®Þnh cña Th«ng t- nÿy. Nhÿ thÇu cã thó thu^a thÇu phõ ®Ó ®¶m b¶o ®ñ c₂c ®iÖu kiÖn n^{ing} lúc theo y^au cÇu tⁱi c₂c kho¶n 1, 2, 3, 4 SiÖu nÿy.

Điều 9. Các loại công trình đặc biệt yêu cầu khi thi công phải có chuyên ngành phù hợp

Chuyªn ngµnh ph¶i hÿp quy ®Þnh tⁱi SiÖu 8 cña Th«ng t- nÿy ®-îc hiÓu lµ ngµnh chuyªn m«n mÿ ng-êi cã chøc danh chØ huy tr-êng c«ng tr-êng, ng-êi phõ tr₂ch kü thuËt,

c₂n bé kù thuËt ®-îc ®µo t'ò phi hîp víi c«ng viÖc, h'ng môc c«ng trªnh hoÆc c«ng trªnh x©y dùng cã y^au cÇu ®Æc biËt theo quy ®Þnh t'ì Th«ng t- nÿy, cô thó ®èi víi:

1. C«ng viÖc xõ lý nðn mãng b»ng các barret hoÆc các khoan nhãi: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng hoÆc ®Þa chËt c«ng trªnh.
2. C«ng viÖc ph₂ d'ì c«ng trªnh: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng.
3. C«ng viÖc l½p ®Æt thiÕt bÞ siªu tr-êng, siªu trãng: y^au cÇu chuyªn ngÿnh c- khÝ, l½p m₂y.
4. Thi c«ng tÇng hÇm c₂c c«ng trªnh: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng.
5. Thi c«ng ®Ëp: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng thuû lí i, thuû ®iøn.
6. Thi c«ng bản chøa, bó chøa, ®-êng èng dÉn x'ng, dÇu, khÝ: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng hoÆc chuyªn ngÿnh c- khÝ.
7. C«ng trªnh d©n dông, c«ng nghiÖp: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng d©n dông vµ c«ng nghiÖp.
8. C«ng trªnh d'ng th₂p: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng, c- khÝ hoÆc l½p m₂y.
9. C«ng trªnh cÇu: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng cÇu ®-êng.
10. C«ng trªnh ngÇm: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng c«ng trªnh h' tÇng kù thuËt, c«ng trªnh ngÇm vµ má hoÆc chuyªn ngÿnh x©y dùng cÇu hÇm.
11. C«ng trªnh trªn biÕn: y^au cÇu chuyªn ngÿnh x©y dùng c«ng trªnh biÕn.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của chủ đầu tư

C- quan tæ chøc IËp quy ho'ch x©y dùng vµ chñ ®Çu t- c₂c dù ₂n ®Çu t- x©y dùng c«ng trªnh cã tr₂ch nhiÖm:

1. Lùa chän tæ chøc, c₂ nh©n cã ®ñ ®iÖu kiÖn n'ng lúc ®ó thùc hiÖn IËp ®ã ₂n quy ho'ch x©y dùng hoÆc thùc hiÖn c«ng viÖc, h'ng môc c«ng trªnh, c«ng trªnh x©y dùng theo quy ®Þnh cña NghÞ ®Þnh 08/CP, NghÞ ®Þnh 12/CP vµ quy ®Þnh cña Th«ng t- nÿy vµ chÞu tr₂ch nhiÖm tr-í c ph₂p luËt vÒ viÖc lùa chän tæ chøc, c₂ nh©n kh«ng ®ñ ®iÖu kiÖn n'ng lúc ®ó thùc hiÖn c₂c c«ng viÖc kh«ng ®Þm bÞo chËt l-îng hoÆc xÞy ra sù cè g©y thiÕt h'ì vÒ ng-êi vµ tµi sÿn.

2. Ph¶i th-êng xuyªn gi₂m s₂t, t'ím dông hoÆc ®xnh chÞ thùc hiÖn c«ng viÖc ®õn khi tæ chøc, c₂ nh©n ®₂p øng ®iÖu kiÖn n'ng lúc theo hîp ®ång ®. ký kÕt, theo quy ®Þnh cña NghÞ ®Þnh 08/CP, NghÞ ®Þnh 12/CP vµ quy ®Þnh cña Th«ng t- nÿy.

3. C₂c tr₂ch nhiÖm kh₂c theo quy ®Þnh cña ph₂p luËt.

Điều 11. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khi hoạt động xây dựng

Tæ chøc, c₂ nh©n khi ho't ®éng x©y dùng cã tr₂ch nhiÖm:

1. Chế độ - ít cần thực hiện lập kế hoạch xấp xỉ dùng hoặc các công việc, hàng mục công trình hoặc công trình xấp xỉ dùng khi cần điều kiện năng lực theo quy định.

2. Tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết kế - ít duy trì; các chức năng giám sát quản lý chi tiết - ít giám sát thêm, nghiêm túc theo quy định hiện hành.

3. Chịu trách nhiệm trực tiếp chịu trách nhiệm pháp lý về việc khi thực hiện thiết kế quy hoạch xấp xỉ dùng hoặc khi thực hiện công việc, hàng mục công trình hoặc công trình xấp xỉ dùng không cần điều kiện năng lực theo quy định.

4. Trực tiếp khi triển khai thực hiện công việc, hàng mục công trình hoặc công trình xấp xỉ dùng cần yêu cầu các biện pháp thi công - ít duy trì theo quy định về các phương pháp quản lý, hiện chỗ rỗng, độ bền vững.

5. Cung cấp các thông tin về hoạt động xấp xỉ dùng của doanh nghiệp trên Trang thông tin về doanh nghiệp của Bộ Xây dựng theo địa chỉ: <http://doanhnghiep.xaydung.gov.vn>

6. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Bộ Xây dựng các trách nhiệm:

a) Các chức năng đến, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

b) Kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền hoặc yêu cầu xử lý về việc các chức năng, các nhân khi hoạt động xấp xỉ dùng vì phạm các quy định về điều kiện năng lực trên phạm vi chức năng.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các trách nhiệm:

a) Các chức năng đến, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này về việc các chức năng, các nhân thực quyền quản lý.

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng liên quan các chức năng kiểm tra, xử lý các chức năng, các nhân khi hoạt động xấp xỉ dùng vì phạm các quy định về điều kiện năng lực trên địa bàn.

3. Các Sở Xây dựng các trách nhiệm:

a) Các chức năng kiểm tra điều kiện năng lực của các chức năng, các nhân khi hoạt động xấp xỉ dùng trên địa bàn theo quy định của Nghị định 08/CP, Nghị định 12/CP và quy định của Thông tư này.

b) Tầm đồng hoặc nhân chỉ thi công, xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp các thẩm quyền xử lý khi các chức năng hoạt động xấp xỉ dùng vì phạm các quy định của pháp luật về xấp xỉ dùng và của Thông tư này.

c) Cung cấp các thông tin về doanh nghiệp hoạt động xấp xỉ dùng và các chức năng, các nhân các các vì phạm trong hoạt động xấp xỉ dùng trên Trang thông tin <http://doanhnghiep.xaydung.gov.vn> của Bộ Xây dựng.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Thành tựu này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2009.
2. Những công nhân tham gia quản lý dù được quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thành tựu này kể từ ngày 01/01/2010 phải chấp hành nghiêm ngặt và vô điều kiện lý do công tác - xẩy dụng công trình theo quy định.
3. Bộ chỉ đạo Quyết định 10/2008/QĐ-BXD ngày 25/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định điều kiện năng lực của nhà thầu khi thi công công việc, hàng mục công trình hoặc công trình xẩy dụng cả yêu cầu đặc biệt.
4. Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tác giả, công nhân tham gia hoạt động xẩy dụng vụ tác giả, công nhân liên quan cả trách nhiệm thực hiện các quy định của Thành tựu này. Trong quá trình thực hiện nếu có vi phạm quy định của Bộ Xây dựng theo nghĩa vụ quy định.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (Bộ, cơ quan);
- Ủy ban Dân tộc vụ các ban của Quốc hội;
- Thủ tướng, các PTT Chính phủ;
- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW vụ các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Tổ chức công ty nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Xây dựng, BQLKCN, BQLKT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Kiểm tra viên (Bộ Tư pháp);
- Các Cục, Vụ, Viện, Văn phòng, Thanh tra XD;
- Công báo; website Chính phủ; website Bộ Xây dựng;
- Lưu: VP, HXXD.

BỘ TRƯỞNG

§. ký

Nguyễn Hồng Quân